



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.02767

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

|                                  |                                                                                                                                   |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên sản phẩm                     | : Choline Chloride 60% Corn Cob                                                                                                   |
| Số lượng/ khối lượng             | : 8.640 bao/ 216.000 kg                                                                                                           |
| Hãng, nước sản xuất              | : Shandong Jujia Biotech Co., Ltd, China.                                                                                         |
| Thuộc lô hàng nhập khẩu          |                                                                                                                                   |
| Hợp đồng số                      | : 25APE070725 và 25APE070727 ngày 26/5/2025                                                                                       |
| Hóa đơn số                       | : 25APD070016 ngày 09/6/2025                                                                                                      |
| Vận đơn số                       | : I240420893A                                                                                                                     |
| Ngày sản xuất                    | : 07/6/2025                                                                                                                       |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng | : Số 4606/HQ-GDK-TTKN ngày 26/6/2025<br>(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250036601 )                                                        |
| Đơn vị được cấp                  | : <b>CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG VIỆT</b><br>Địa chỉ: 16-18 Đường số 57, Khu phố 36, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| Phương thức đánh giá             | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)                                 |
| Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật       | : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT                                                                                                       |
| Có giá trị đến ngày              | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                                        |

Quyết định chứng nhận

Số: 1425 /QĐ-TTKN  
Ngày 07 tháng 7 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Yến





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.02768

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

|                                  |                                                                                                                                   |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên sản phẩm                     | : MONOCALCIUM PHOSPHATE                                                                                                           |
| Số lượng/ khối lượng             | : 6.480 bao/ 162.000 kg                                                                                                           |
| Hãng, nước sản xuất              | : Guizhou Zerophos Chemical Co., Ltd, China.                                                                                      |
| Thuộc lô hàng nhập khẩu          |                                                                                                                                   |
| Hợp đồng số                      | : ZP2025031701045 ngày 17/3/2025                                                                                                  |
| Hóa đơn số                       | : ZP2025031701045-3 ngày 12/6/2025                                                                                                |
| Vận đơn số                       | : EGLV155500081233                                                                                                                |
| Ngày sản xuất                    | : 20/3/2025                                                                                                                       |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng | : Số 4416/HQ-GDK-TTKN ngày 19/6/2025<br>(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250036619)                                                         |
| Đơn vị được cấp                  | : <b>CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG VIỆT</b><br>Địa chỉ: 16-18 Đường số 57, Khu phố 36, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| Phương thức đánh giá             | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)                                 |
| Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật       | : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT                                                                                                       |
| Có giá trị đến ngày              | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                                        |

Quyết định chứng nhận

Số: 1425 /QĐ-TTKN  
Ngày 07 tháng 7 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Yến



**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/<br>ngày mã hoá                 | Mã<br>mẫu        | Quy chuẩn áp<br>dụng                            | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích |                                                                                                                          | Ghi chú                |
|----------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|                                              |                  |                                                 | Tên sản phẩm                     | Chỉ tiêu phân<br>tích                                                                                                    |                        |
| Công ty TNHH<br>Dinh dưỡng Việt<br>30/6/2025 | 0625471/<br>HQV2 | Mục 2.1 bảng 1<br>QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT | Choline Chloride<br>60% Corn Cob | As vô cơ (mg/kg)<br>Pb (mg/kg)<br>Cd (mg/kg)<br>Hg (mg/kg)<br><i>E. coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i><br>(CFU/ 25 g) | BNNPTNT2<br>9250036601 |
|                                              | 0625472/<br>HQV2 | Mục 2.4 bảng 5<br>QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT | MONOCALCIUM<br>PHOSPHATE         | As vô cơ (mg/kg)<br>Pb (mg/kg)<br>Cd (mg/kg)<br>Hg (mg/kg)                                                               | BNNPTNT2<br>9250036619 |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu,  
01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện    | Đơn vị               | Thời gian ( ghi<br>rõ.... giờ,<br>ngày.../.../... | Phòng thí<br>nghiệm được<br>lựa chọn | Ghi chú |
|--------------------|----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế<br>Linh | Trung tâm Vùng<br>II | 17h30 ngày<br>30/6/2025                           | ASTAC                                |         |



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 8054/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 22182507025  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 01/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 01/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625471/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | <i>Escherichia coli</i> (*)(**)        | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | <i>Salmonella</i> spp. (*)(**)         | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 04/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 8055/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 22182507026  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 01/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 01/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0625472/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | 1,72               | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,89               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |

Cần Thơ, ngày/date: 04/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.